

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2020.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Bé;**
2. Ông **Phan Tấn Tài.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 4, ấp L T, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P, văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp L T, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không H giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành H trình bày: Anh và chị H do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang. Anh chị sống chung hạnh P đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau. Anh chị không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/8/2013. Hiện cháu L đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/6/2020 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Nguyễn Văn P có văn bản trình bày:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành H được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/8/2013. cho anh Nguyễn Thành H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có.

Chị Phạm Thị Thu H đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nhưng chị vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên H giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Thành H khởi kiện chị Phạm Thị Thu H cư trú ấp L T, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Thu H.

[2]. *Về hôn nhân*: Anh H và chị H sống chung với nhau vào năm 2012 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh và chị H không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa anh H, chị H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh H yêu cầu ly hôn với H, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà H giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....” Tại phiên tòa, anh H xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01/8/2013. Hiện cháu L đang sống chung với anh H. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung,. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu L sống ổn định với anh H vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị H cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu L thì cháu có nguyện vọng sống với anh H, chị H cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ L cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Thành H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Thành H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị H trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Thành H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành H.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành H được ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 259/2012 quyền số 01 ngày 24/10/2012 của Ủy ban nhân xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thành H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh ngày 01.8.2013. Chị Phạm Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh chị Phạm Thị Thu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Thành H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị H thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Thành H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008163 ngày 04.3.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang. Anh Nguyễn Thành H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã L Đ B, huyện C M;
- tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn